

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 9 - 2025

"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quynh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Tường Vi và Ông Trần Mạnh Hùng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Vương Đại Minh - Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 19/2025/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: anh Cao Xuân T, sinh năm 1967, nơi thường trú: tổ A, khu C, phường C, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: chị Đặng Thu B, sinh năm 1976, nơi thường trú: tổ A, khu C, phường C, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện nay: Hàn Quốc, vắng mặt.

- *Người làm chứng:* - Anh Cao Tiến Đ, sinh năm 2001; nơi thường trú: tổ A, khu C, phường C, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở hiện nay: Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Q, vắng mặt.

- Anh Đặng Thành V; nơi thường trú: tổ A, khu C, phường C, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Cao Xuân T trình bày: anh kết hôn với chị Đặng Thu B vào năm 1994 có đăng ký kết hôn hợp tại Ủy ban nhân dân phường C (nay là phường C), tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu khoảng 2 năm, sau khi kết hôn thì về sống cùng gia đình nhà nội tại tổ A, khu B, phường C (nay là phường C), tỉnh Quảng Ninh. Anh chị chính thức chung sống với nhau được khoảng 20 năm, quá trình chung sống tính cách giữa anh và chị B không hợp nhau vợ chồng không có tiếng nói chung nhưng vì anh thường xuyên đi làm xa nhà còn chị B làm nghề tự do, không có nhiều thời gian bên nhau nên khi có mâu thuẫn thường bỏ qua cho nhau. Vào khoảng năm 2009 -

2010 anh và chị B cãi nhau chị B còn dùng dao đe dọa, không may đã chém vào tay anh nhưng vì các con anh vẫn cố gắng duy trì hôn nhân. Quá trình sống chung với gia đình nhà chồng chị B còn có mâu thuẫn với bố mẹ chồng cũng làm cho mâu thuẫn vợ chồng thêm căng thẳng, mệt mỏi. Từ năm 2017 mâu thuẫn vợ chồng anh trở nên căng thẳng, trầm trọng hơn vì chị B có nhiều vấn đề không minh bạch trong việc phát triển kinh tế trong gia đình nên đã tự ý dọn ra ngoài ở, anh chị chính thức sống ly thân từ đó, thời gian đầu anh chị có liên lạc với nhau để tìm cách hàn gắn mâu thuẫn nhưng không đạt kết quả nên sau đó không liên lạc, không quan tâm đến nhau nữa, chị B chỉ liên lạc với các con và anh chị em bên ngoại. Gia đình hai bên cũng đã hoà giải cho vợ chồng anh nhưng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Qua thông tin từ các con và họ hàng nhà ngoại được biết từ năm 2017 chị B đi du lịch Hàn Quốc và ở lại đó lao động nhưng không cho người thân trong gia đình biết địa chỉ nơi cư trú tại Hàn Quốc cụ thể như thế nào, chị B chỉ liên lạc với gia đình nhà ngoại (ở tổ D, khu E, phường C, thành phố C cũ) và các con, không liên lạc với anh. Đến nay anh và chị B sống xa nhau đã nhiều năm, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã rất căng thẳng, trầm trọng không thể khắc phục được nữa vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Đặng Thu B.

- Về con chung: anh và chị Đặng Thu B có hai con chung là Cao Bình M, sinh ngày 31/12/1994 và Cao Tiến Đ, sinh ngày 10/4/2001, các con chung đều đã thành niên, khỏe mạnh, có công việc, thu nhập đã tự lập được trong cuộc sống nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết; và nợ chung: không có.

* Bị đơn chị Đặng Thu B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng nên không có quan điểm về việc ly hôn, con chung, tài sản và công nợ chung. Tại Công văn số 3362/XNC (Đ1) ngày 22/8/2025 của Phòng Q - Công an tỉnh Q cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của chị Đặng Thu B, sinh ngày 09/10/1976, căn cước công dân số 022176001350 đã xuất, nhập cảnh 03 lần; lần gần nhất sử dụng hộ chiếu C3994227 xuất cảnh ngày 18/11/2017 qua cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế N1, chưa có thông tin nhập cảnh vào Việt Nam.

* Tại Biên bản làm việc với anh Cao Tiến Đ (con chung của anh Cao Xuân T và chị Đặng Thu B), anh Đ có quan điểm: mẹ của anh là bà Đặng Thu B đã đi Hàn Quốc rồi ở lại sinh sống, làm việc cho đến nay chưa trở về Việt Nam. Từ ngày bà B đi Hàn Quốc đến nay anh và bà B vẫn thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin nhưng bà B không cho anh và người thân trong gia đình biết địa chỉ nơi cư trú cụ thể của bà B tại Hàn Quốc. Qua những lần liên lạc với gia đình bà B có biết việc ông T đang xin ly hôn tại Tòa án nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh nhưng do điều kiện đường xa, đi lại tốn kém nên bà B không về Việt Nam

để tham gia tố tụng. Toà án đang tiến hành các thủ tục tố tụng để đưa vụ án ra xét xử, anh Đ sẽ thông tin cho bà B biết toàn bộ trình tự thủ tục để bà B được thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình. Do anh đang học tập tại Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Q nên xin từ chối tham gia tố tụng trong vụ án và đề nghị Toà án không đưa anh vào tham gia tố tụng trong vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2025). Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Cao Xuân T, anh T được ly hôn với chị Đặng Thu B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, quan điểm trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Cao Xuân T và tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình tố tụng, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”; bị đơn chị Đặng Thu B cư trú tại phường C, tỉnh Quảng Ninh, chỗ ở hiện nay tại Hàn Quốc, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025), vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn - chị Đặng Thu B được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho người thân trong gia đình chị B và giao cho chính quyền địa phương nhận và thông tin lại cho chị B nhưng chị B không tham gia tố tụng theo quy định và cũng không có người đại diện tham gia tại phiên tòa nên căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025); hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và công bố các tài liệu, chứng cứ do Toà án thu thập.

[2] Về quan hệ hôn nhân: căn cứ vào lời khai của anh Cao Xuân T, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: anh Cao Xuân T và chị Đặng Thu B

kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, nay là phường C, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống cùng gia đình nhà chồng tại tổ A, khu B, phường C (nay là phường C), tỉnh Quảng Ninh. Cuộc sống chung của anh chị từ sau khi kết hôn theo lời khai của anh T thì bình thường được 20 năm, từ năm 2017 mâu thuẫn vợ chồng anh trở nên căng thẳng, trầm trọng vì chị B có nhiều vấn đề không minh bạch về kinh tế nên đã dọn đi ra ngoài ở, anh chị chính thức sống ly thân từ đó, thời gian đầu anh chị có liên lạc với nhau để tìm cách hàn gắn mâu thuẫn nhưng không đạt kết quả. Lời khai của anh T cơ bản phù hợp với kết quả kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú, anh Đặng Thành V là anh trai ruột của chị Đặng Thu B đã cho biết: “vợ chồng em gái anh là chị B và anh T đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Từ năm 2017 chị B đi du lịch Hàn Quốc sau đó ở lại sinh sống và làm việc đến nay chưa trở về Việt Nam... Bản thân chị B vẫn thường xuyên liên lạc với người thân trong gia đình, trong đó có anh V, mẹ đẻ của anh Văn N đã hơn 80 tuổi đang sống cùng anh V. Chị B không cho người thân trong gia đình biết địa chỉ cư trú của chị B tại Hàn Quốc cụ thể là ở đâu... Ngay cả khi vợ chồng chị B, anh T xảy ra bất hoà, trước khi đi Hàn Quốc cũng không lần nào chị B về sinh sống với gia đình anh tại phường C. Qua những lần liên lạc bằng điện thoại với chị B thì gia đình anh V cũng như các con chung của chị B, anh T đã cho chị B biết việc anh T đang xin ly hôn chị B tại Tòa án... việc ly hôn giữa anh T, chị B không có điều gì phức tạp, quyết định ly hôn hay không ly hôn do vợ chồng chị B, anh T tự quyết định”. Bản thân chị B khi đi Hàn Quốc cũng không quay về chung sống với anh T, không thông tin cho anh T biết địa chỉ nơi ở chính thức của mình, được tiếp nhận các thông tin do Tòa án triệu tập đến để tham gia tố tụng theo yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T nhưng cũng không tìm biện pháp hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, không có biện pháp tích cực để vợ chồng về đoàn tụ. Căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng anh T và chị B không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, quan tâm, giúp đỡ nhau cả về vật chất và tinh thần, không còn chia sẻ với nhau các công việc gia đình theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T với chị B và chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Quảng Ninh tại phiên tòa.

- Về con chung: anh Cao Xuân T và chị Đặng Thu B có hai con chung là Cao Bình M, sinh ngày 31/12/1994 và Cao Tiến Đ, sinh ngày 10/4/2001, các con chung đều đã thành niên, khỏe mạnh, có công việc, thu nhập đã tự lập được trong cuộc sống nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: các đương sự tự thoả thuận; công nợ chung: không có.

[3] Về án phí: anh T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 228, 271, 273 và 479 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Cao Xuân T.

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Cao Xuân T được ly hôn với chị Đặng Thu B.

2. Về án phí: anh Cao Xuân T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 000355 ngày 31/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho biết: nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh ;
- VKSND khu vực 3 - Quảng Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- UBND P. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quýnh

